

Bản tin

THỊ TRƯỜNG

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

Số ra ngày 29/11/2024



BẢN TIN
THỊ TRƯỜNG
NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
Phuongpn@moit.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Email:
tuoanhbta@gmail.com;
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:
43/GP-XBBT ngày 14/8/2024

MỤC LỤC

TÌNH HÌNH CHUNG	3
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ	5
THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU	13
THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ	21
THỊ TRƯỜNG THỊT	26
THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ	31
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ	37

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- ▶ Cà phê: Tháng 11/2024, giá cà phê thế giới liên tục tăng do nguồn cung thắt chặt.
- ▶ Hạt điều: 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Đức giảm 9,8% về lượng và giảm 21,3% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái; Xuất khẩu hạt điều của Bra-xin giảm 40,5% về lượng và giảm 40,9% về trị giá.
- ▶ Rau quả: 10 tháng năm 2024, nhập khẩu sầu riêng của Trung Quốc đạt 1,5 triệu tấn, trị giá 6,68 tỷ USD, tăng 10,1% về lượng và tăng 4,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.
- ▶ Thịt: Dự kiến sản lượng thịt toàn cầu năm 2024 tăng 1,4% so với năm 2023.
- ▶ Gỗ và sản phẩm gỗ: 10 tháng năm 2024, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 18,6 tỷ USD, tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2023. Doanh thu ngành nội thất của Bỉ giảm 7% trong nửa đầu năm 2024.



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

► Cà phê: Giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa tăng mạnh theo đà tăng của giá cà phê thế giới. 11 tháng năm 2024, xuất khẩu cà phê của Việt Nam ước tính đạt 1,20 triệu tấn, trị giá 4,84 tỷ USD, giảm 15,4% về lượng, nhưng tăng 32,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Úc tăng.

► Hạt điều: 10 tháng năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 609,23 nghìn tấn, trị giá xấp xỉ 3,58 tỷ USD, tăng 17,9% về lượng và tăng 21,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Hoa Kỳ tăng nhập khẩu hạt điều của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2024. Thị phần hạt điều của Việt Nam chiếm 72,03% tổng lượng nhập khẩu vào Hoa Kỳ.

► Rau quả: 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam ước tính đạt 6,66 tỷ USD, tăng 28,2% so

với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần rau, củ, quả và sản phẩm chế biến của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Anh tăng.

► Thịt: Trong tháng 11/2024, giá lợn hơi trong nước dao động trong khoảng 61.000-64.000 đồng/kg. 10 tháng năm 2024, xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam tăng 2,8% về lượng, nhưng giảm 5,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023; Nhập khẩu thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh của Việt Nam giảm 17,8% về lượng so với cùng kỳ năm 2023.

► Gỗ và sản phẩm gỗ: 11 tháng năm 2024, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam ước tính đạt 14,6 tỷ USD, tăng 20,5% so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Pháp từ các thị trường ngoài khối EU giảm.



THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ Tháng 11/2024, giá cà phê thế giới liên tục tăng do nguồn cung thắt chặt.
- ▶ Giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa tăng mạnh theo đà tăng của giá cà phê thế giới, tăng từ 18.900 - 19.100 đồng/kg so với ngày 28/10/2024, lên mức 127.500 - 128.200 đồng/kg.
- ▶ 11 tháng năm 2024, xuất khẩu cà phê của Việt Nam ước đạt 1,20 triệu tấn, trị giá 4,84 tỷ USD, giảm 15,4% về lượng, nhưng tăng 32,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.
- ▶ Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Úc tăng từ 11,85% trong 9 tháng đầu năm 2023 lên mức 15,29% trong 9 tháng đầu năm 2024.



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Tháng 11/2024, giá cà phê thế giới liên tục tăng và thiết lập kỷ lục mới do các nhà đầu tư đẩy mạnh mua vào và lo ngại nguồn cung chậm trễ từ Việt Nam, cùng với dự báo sản lượng giảm ở Braxin là những động lực giúp cà phê tăng mạnh.

Giá cà phê tăng còn do nông dân Braxin giữ lại hàng với hy vọng giá sẽ

tiếp tục tăng, trong khi cước vận tải tăng cao và tình trạng thiếu container làm giảm tốc độ lưu thông hàng hóa từ nước sản xuất lớn nhất thế giới.

Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ, dự báo sản lượng cà phê niên vụ 2024 - 2025 của Braxin là 66,4 triệu bao, thấp hơn dự báo trước đó là 69,9 triệu bao. Dự báo lượng cà phê tồn kho của Braxin là 1,2 triệu bao

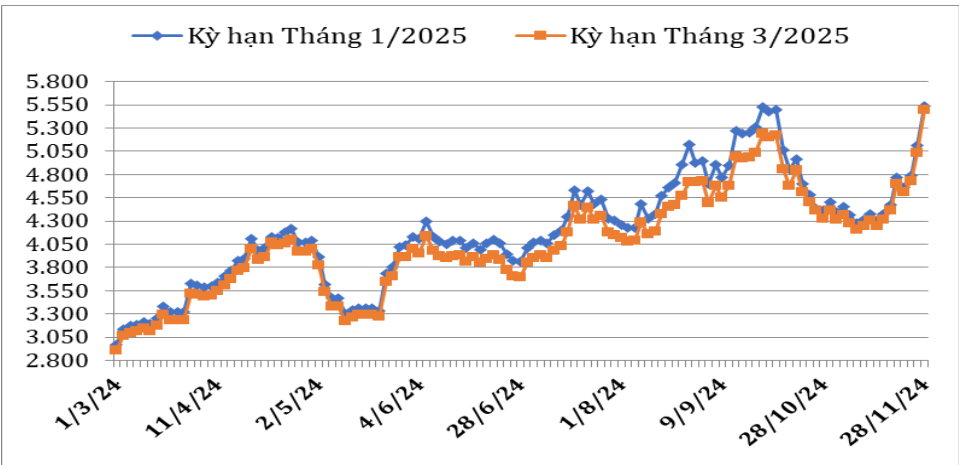
vào cuối mùa vụ 2024/25 vào tháng 6, giảm 26% so với cùng kỳ năm trước.

Trong khi đó, tại Việt Nam thời tiết không thuận lợi đã ảnh hưởng đến các vùng thu hoạch cà phê trọng điểm, gây nên mối lo ngại về gián đoạn nguồn cung. Đồng thời, xuất khẩu chậm từ Việt Nam đã làm thắt chặt thị trường cà phê thế giới.

Tuy nhiên về trung hạn, giá cà phê thế giới sẽ điều chỉnh giảm khi nguồn cung từ Việt Nam ra thị trường nhiều hơn.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 28/11/2024, giá cà phê Robusta giao kỳ hạn tháng 01/2025 và tháng 3/2025 tăng lần lượt 25,4% và 27,1% so với ngày 28/10/2024, lên mức 5.533 USD/tấn và 5.496 USD/tấn.

Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn trên sàn giao dịch London từ đầu tháng 3/2024 đến nay (ĐVT: USD/tấn)



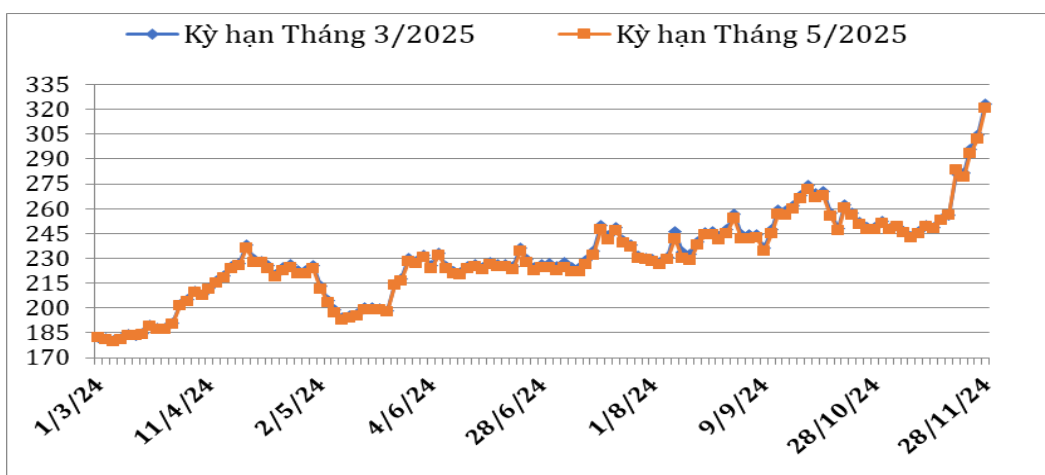
Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 28/11/2024, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 3/2025 và tháng 5/2025,

tăng lần lượt 30,5% và 30,3% so với ngày 28/10/2024, lên mức 323,05 Uscent/lb và 320,7 Uscent/lb.



Diễn biến giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York từ đầu tháng 3/2024 đến nay (ĐVT: Uscent/lb)



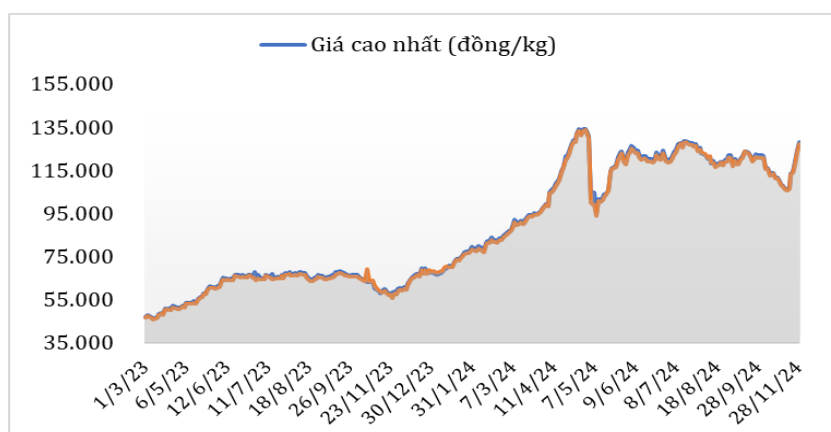
Nguồn: Sàn giao dịch New York

+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, 5/2025 tăng lần lượt 33,9% và 32,7% ngày 28/11/2024, giá cà phê Arabica so với ngày 28/10/2024, lên mức 401,8 giao kỳ hạn tháng 3/2025 và tháng Uscent/lb và 400,05 Uscent/lb.

TRONG NƯỚC: GIÁ CÀ PHÊ ROBUSTA TĂNG MẠNH THEO XU HƯỚNG GIÁ THẾ GIỚI

Tháng 11/2024, mặc dù Việt Nam tăng từ 18.900 - 19.100 đồng/kg so với đang trong vụ thu hoạch nhưng giá cà ngày 28/10/2024, dao động từ 127.500 phê Robusta tại thị trường nội vẫn tăng - 128.200 đồng/kg (tùy từng khu vực mạnh theo đà tăng của giá cà phê thế khảo sát).
giới. Giá cà phê vào ngày 28/11/2024

Diễn biến giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa năm 2023 - 2024

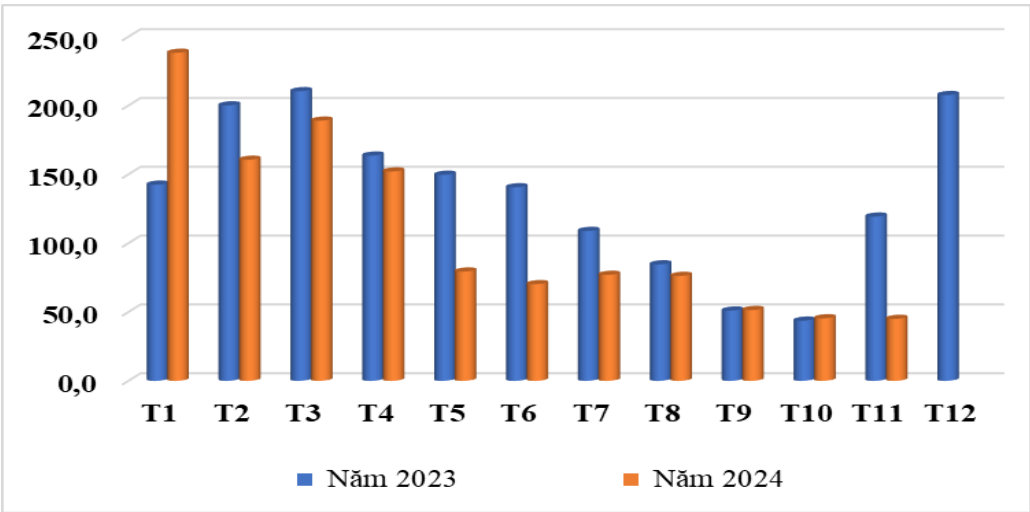


Nguồn: giacaphe.com

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CÀ PHÊ CỦA VIỆT NAM TRONG 11 THÁNG NĂM 2024

Theo ước tính, xuất khẩu cà phê của Việt Nam tháng 11/2024 đạt 45 nghìn tấn, trị giá 262 triệu USD, giảm 0,9% về lượng, nhưng tăng 0,8% về trị giá so với tháng 10/2024; giảm 62,0% về lượng và giảm 26,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. 11 tháng năm 2024, xuất khẩu mặt hàng này ước đạt gần 1,20 triệu tấn, trị giá 4,84 tỷ USD, giảm 15,4% về lượng, nhưng tăng 32,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Mặc dù lượng xuất khẩu giảm nhưng giá tăng mạnh nên kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam hiện đã vượt cả năm 2023 và thiết lập mốc kỷ lục mới.

Khối lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam năm 2023 - 2024
(ĐVT: nghìn tấn)

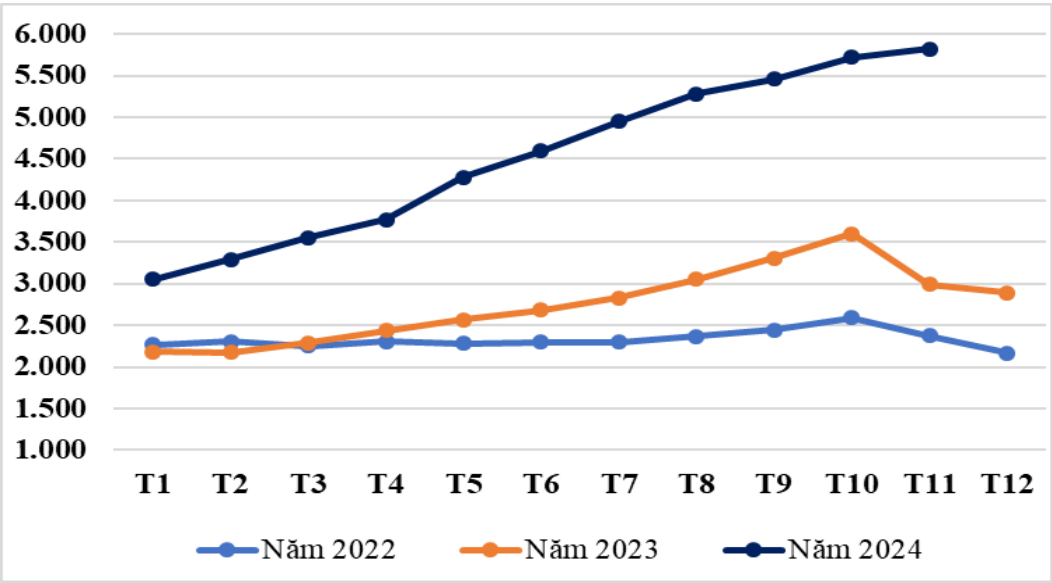


Nguồn: Tổng cục Hải quan và số liệu ước tính tháng 11/2024



Về giá: Cà phê là sản phẩm nông sản có giá tăng mạnh nhất trong số các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Tháng 11/2024, giá bình quân cà phê xuất khẩu ước đạt 5.818 USD/tấn - mức cao nhất từ trước đến nay. Tính chung 11 tháng năm nay, giá bình quân cà phê xuất khẩu ước đạt 4.838 USD/tấn, tăng 56,9% so với cùng kỳ năm 2023.

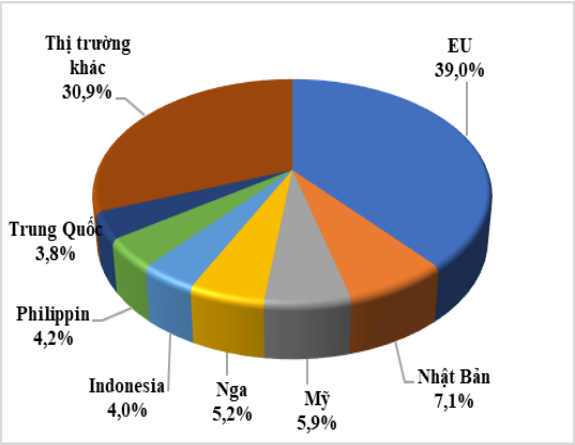
Diễn biến giá bình quân xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua các tháng năm 2023 - 2024 (ĐVT: USD/tấn)



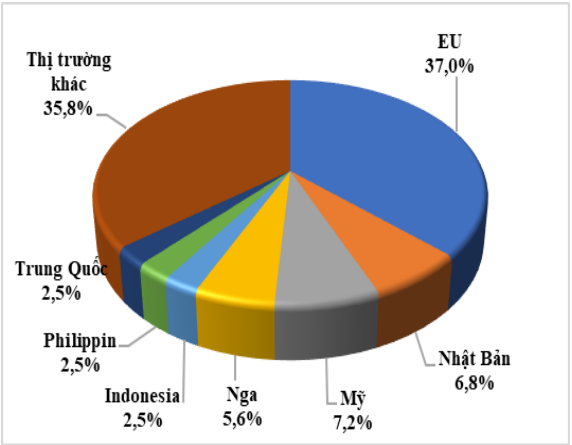
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan và ước tính tháng 11/2024

Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu
(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

10 tháng năm 2024



10 tháng năm 2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

10 tháng năm 2024, xuất khẩu cà phê Robusta giảm 15,1% về lượng, nhưng tăng mạnh 40,5% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 961,2 nghìn tấn, trị giá 3,44 tỷ USD. Tỷ trọng xuất khẩu cà phê Robusta chiếm 75,25% tổng kim ngạch

xuất khẩu cà phê của cả nước trong 10 tháng năm 2024, cao hơn so với tỷ trọng 74,54% trong 10 tháng năm 2023.

Trong 10 tháng năm 2024, Việt Nam xuất khẩu cà phê Arabica đạt gần 58,1 nghìn tấn, trị giá 199,6 triệu USD, tăng

63,6% về lượng và tăng 42,8% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Tỷ trọng xuất khẩu cà phê Arabica chiếm 4,36% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của cả nước trong 10 tháng năm 2024, cao hơn so với tỷ trọng 4,25% trong 10 tháng năm 2023.

Ngoài ra, xuất khẩu cà phê chế biến tăng 33,5% so với 10 tháng năm 2023, đạt 924,1 triệu USD, chiếm 20,19% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của cả nước trong 10 tháng năm 2024.

Chủng loại cà phê xuất khẩu trong tháng 10 và 10 tháng năm 2024

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Chủng loại	Tháng 10/2024		So với tháng 9/2024 (%)		So với tháng 10/2023 (%)		10 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	45.412	259.749	-11,6	-9,5	3,8	64,9	1.153.242	4.575.914	-11,1	39,2
Robusta	28.752	143.196	-21,2	-22,0	5,9	114,4	961.219	3.443.557	-15,1	40,5
Arabica	2.378	9.285	5,1	14,5	164,3	213,4	58.081	199.574	63,6	42,8
Cà phê Excelsa	203	989	428,1	436,5	247,3	394,5	1.900	8.682	12,7	88,6
Cà phê chế biến		106.279		11,8		21,4		924.100		33,5

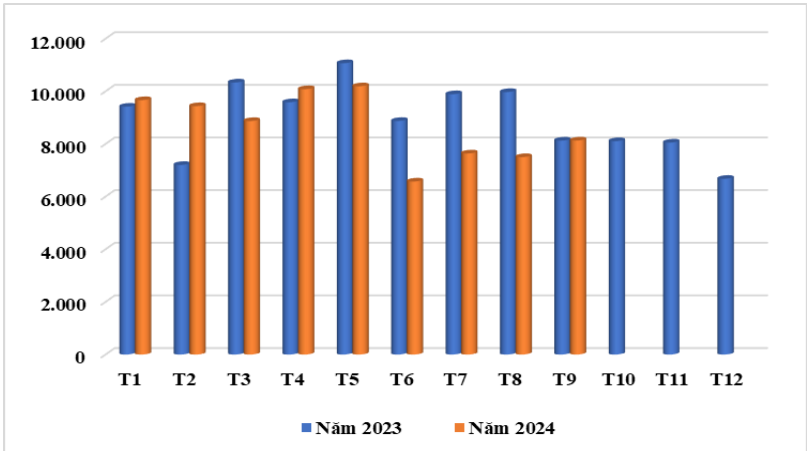
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ ÚC TRONG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong 9 tháng đầu năm 2024, Úc nhập khẩu cà phê đạt 78,1 nghìn tấn, trị giá 457,7 triệu USD, giảm 7,6% về lượng và giảm 6,5% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Úc nhập khẩu cà phê qua các tháng năm 2023 - 2024
(ĐVT: Nghìn tấn)

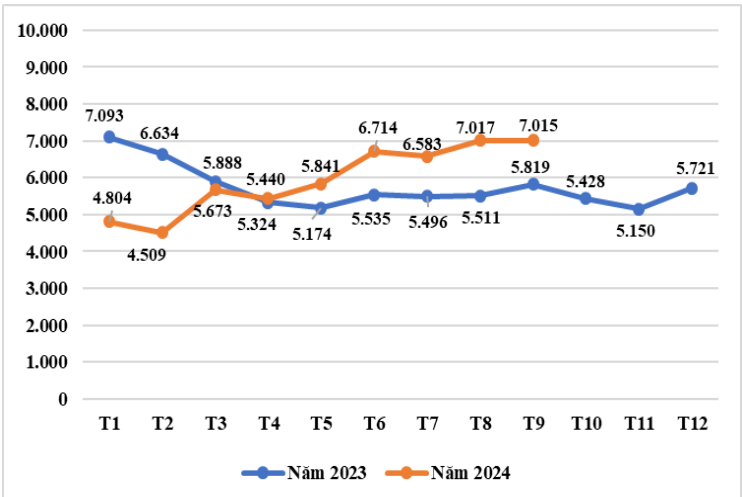


Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Về giá nhập khẩu:

9 tháng đầu năm 2024, giá bình quân nhập khẩu cà phê vào Úc đạt mức 5.862 USD/tấn, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, giá bình quân nhập khẩu cà phê từ Việt Nam tăng mạnh 48,1% so với cùng kỳ năm 2023, lên mức 3.674 USD/tấn. Trong khi đó, giá nhập khẩu từ các thị trường khác giảm như: từ Bra-xin giảm 8,8%, xuống 4.041 USD/tấn; từ Cô-lôm-bi-a giảm 4,6%, xuống mức 5.536 USD/tấn; từ Pa-pua Niu Ghi-nê giảm 3,2%, xuống 4.264 USD/tấn; từ

Diễn biến giá nhập khẩu cà phê bình quân của Úc qua các tháng năm 2023 - 2024 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Hòn-đu-rát giảm 8,5%, xuống 4.502 USD/tấn.

Về cơ cấu nguồn cung

9 tháng đầu năm 2024, Úc tăng nhập khẩu cà phê từ hai nhà sản xuất lớn là Braxin và Việt Nam, trong khi đó giảm nhập khẩu từ Cô-lôm-bi-a, Pa-pua Niu Ghi-nê, Hôn-đu-rát...

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong 9 tháng đầu năm 2024, Úc nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt 11,9 nghìn tấn, trị giá 43,9 triệu USD, tăng 19,3% về lượng và tăng 76,7% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Úc từ thế giới tăng từ 11,85% trong 9 tháng đầu năm 2023 lên mức 15,29% trong 9 tháng đầu năm 2024. Việt Nam là nguồn cung cà phê lớn thứ hai cho thị trường Úc trong thời gian này.

Tiêu thụ cà phê trung bình của Australia dự kiến sẽ lên tới 2,96 kg/người vào năm 2024. Tần suất uống cà phê của người dân cao là yếu tố chính góp phần vào sự tăng trưởng của thị trường này.

Theo <https://www.marketresearch.com>, trường cà phê Úc dự kiến sẽ tăng trưởng với mức CAGR là 3,6% trong giai đoạn 2024-2032, nhờ nhu cầu ngày càng tăng, sự đổi mới trong kỹ thuật pha cà phê và số lượng quán cà phê phát triển mạnh. Bên cạnh đó, thương mại điện tử phát triển cũng góp phần thúc đẩy tiêu thụ cà phê của Úc trong thời gian tới.

Đặc biệt, cà phê hữu cơ được chứng nhận ngày càng phổ biến ở Úc vì lợi ích sức khỏe và sản xuất thân thiện với môi trường. Người tiêu dùng sẵn sàng trả thêm tiền cho cà phê được trồng mà không có hóa chất tổng hợp, áp dụng các biện pháp hữu cơ.

Để xuất khẩu cà phê vào Úc tăng trưởng trong thời gian tới, các doanh nghiệp cà phê Việt Nam cần đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm chất lượng cao, cà phê đặc sản nhằm đáp ứng được nhu cầu từ thị trường này. Bên cạnh đó, cần xây dựng thương hiệu, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ đối với các sản phẩm chế biến và tận dụng tốt các Hiệp định Thương mại tự do đã ký kết.

5 nguồn cung cà phê lớn nhất cho Úc trong 9 tháng đầu năm 2024

Thị trường	9 tháng năm 2024			So với cùng kỳ năm ngoái (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	78.084	457.726	5.862	-7,6	-6,5	1,2
Bra-xin	21.609	87.319	4.041	10,4	0,6	-8,8
Việt Nam	11.941	43.875	3.674	19,3	76,7	48,1
Cô-lôm-bi-a	8.243	45.634	5.536	-2,9	-7,4	-4,6
Pa-pua Niu Ghi-nê	5.657	24.123	4.264	-1,7	-4,8	-3,2
Hôn-đu-rát	4.795	21.591	4.502	-28,9	-35,0	-8,5
Thị trường khác	25.839	235.184	9.102	-23,8	-12,9	14,2

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

- ▶ 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Đức giảm 9,8% về lượng và giảm 21,3% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 16,14 nghìn tấn, trị giá 121,1 triệu USD.
- ▶ 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Bra-xin đạt xấp xỉ 5,57 nghìn tấn, trị giá 31,75 triệu USD, giảm 40,5% về lượng và giảm 40,9% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.
- ▶ 10 tháng năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 609,23 nghìn tấn, trị giá xấp xỉ 3,58 tỷ USD, tăng 17,9% về lượng và tăng 21,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.
- ▶ Hoa Kỳ tăng nhập khẩu hạt điều của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2024. Thị phần hạt điều của Việt Nam chiếm 72,03% trong tổng lượng nhập khẩu vào thị trường Hoa Kỳ.

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU THẾ GIỚI

- Theo Trung tâm Thương mại Quốc tế, trong 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Đức đạt 16,14 nghìn tấn, trị giá 121,1 triệu USD, giảm 9,8% về lượng và giảm 21,3% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Về giá: Trong 9 tháng đầu năm 2024, giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Đức đạt 7.501 USD/tấn, giảm 12,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Về cơ cấu thị trường: Trong 9 tháng đầu năm 2024, Đức xuất khẩu hạt điều sang 48 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, các nước châu Âu là những thị trường xuất khẩu hạt điều truyền thống của Đức, bao gồm: Xi-lô-va-ki-a, Lúc-xăm-bua, Tây Ban Nha, Anh và Ba Lan.



5 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Đức trong 9 tháng năm 2024

Thị trường	9 tháng năm 2024			So với cùng kỳ năm ngoái (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	16.138	121.056	7.501	-9,8	-21,3	-12,8
Xi-lô-va-ki-a	1.533	9.425	6.148	78,7	52,1	-14,9
Lúc-xăm-bua	2.054	11.781	5.736	-10,2	-25,2	-16,7
Tây Ban Nha	1.446	11.649	8.056	6,8	-6,7	-12,6
Anh	1.429	11.485	8.037	-0,9	-13,5	-12,7
Ba Lan	1.594	12.166	7.632	4,4	-7,8	-11,7
Thị trường khác	8.082	64.550	7.987	-22,4	-30,6	-10,5

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

- Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Bra-xin đạt 5,57 nghìn tấn, trị giá 31,75 triệu USD, giảm 40,5% về lượng và giảm 40,9% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Về giá xuất khẩu: 9 tháng đầu năm 2024, giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Bra-xin đạt mức 5.701 USD/tấn, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong đó, giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Bra-xin sang các thị trường Hoa Kỳ, Ác-he-ti-na, Ca-na-đa, Đức giảm, nhưng giá xuất khẩu sang Chi lê tăng.

Về cơ cấu thị trường: Trong 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Bra-xin sang hầu hết các thị trường truyền thống giảm cả về lượng và trị giá, riêng xuất khẩu tới thị trường Chi lê giảm về lượng, nhưng vẫn tăng về trị giá.

5 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Bra-xin trong 9 tháng đầu năm 2024

Thị trường	9 tháng năm 2024			So với cùng kỳ năm ngoái (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	5.569	31.749	5.701	-40,5	-40,9	-0,7
Hoa Kỳ	1.804	10.218	5.665	-46,4	-47,9	-2,8
Ác-hen-ti-na	635	2.734	4.304	-35,0	-45,0	-15,4
Đức	474	2.717	5.737	-26,2	-26,3	-0,2
Chi lê	424	2.934	6.925	-9,9	1,2	12,3
Ca-na-đa	346	1.869	5.399	-63,2	-65,4	-6,0
Thị trường khác	1.887	11.277	5.976	-36,4	-34,2	3,4

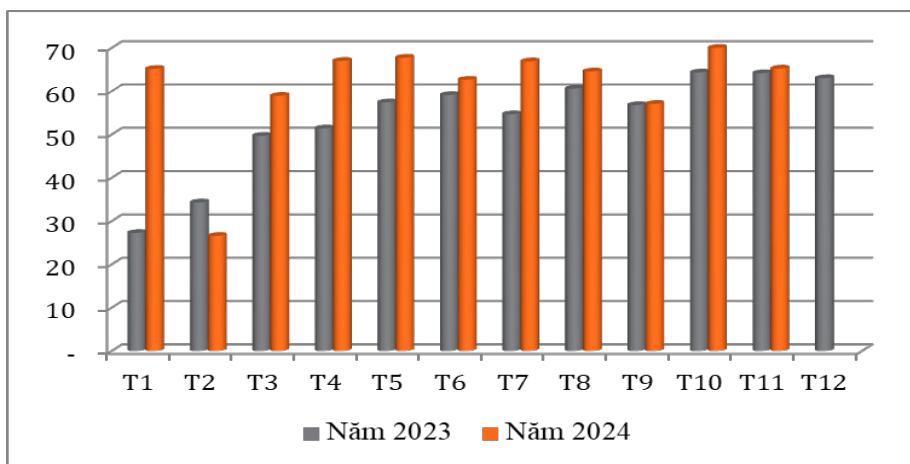
Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA VIỆT NAM TRONG THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2024

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tháng 10/2024, Việt Nam xuất khẩu hạt điều đạt 65,22 nghìn tấn, trị giá 424,44 triệu USD, tăng 14,3% về lượng và tăng 14,0% về trị giá so với tháng 9/2024, tăng 1,3% về lượng và tăng 18,4% về trị giá so với tháng 10/2023. Tính chung 10 tháng năm 2024, Việt Nam xuất khẩu hạt điều đạt 609,23 nghìn tấn, trị giá xấp xỉ 3,58 tỷ USD, tăng 17,9% về lượng và tăng 21,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Như vậy, ngành điều Việt Nam đã hoàn thành kế hoạch xuất khẩu cho cả năm 2024 chỉ trong 10 tháng. Với đà tăng trưởng hiện tại, ngành điều Việt Nam kỳ vọng sẽ tiếp tục tạo nên kỷ lục mới trong tháng cuối năm. Nhiều khả năng năm nay ngành điều sẽ đạt được con số xuất khẩu kỷ lục trên 4,5 tỷ USD, nhờ nhu cầu ổn định tại thị trường truyền thống như Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc. Các thị trường này đều có nhu cầu tiêu thụ cao vào dịp cuối năm và các lễ hội truyền thống.

Lượng hạt điều của Việt Nam xuất khẩu qua các tháng năm 2023 - 2024
(ĐVT: Nghìn tấn)



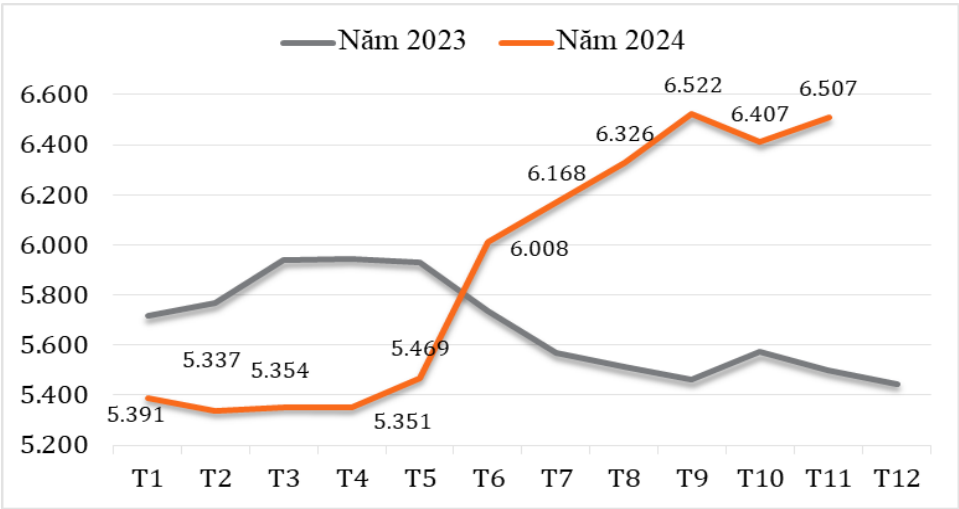
Nguồn: Tổng cục Hải quan và số liệu ước tính tháng 10/2024

Diễn biến giá

Tháng 10/2024, giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt mức 6.507 USD/tấn, giảm 0,2% so với tháng 9/2024, nhưng tăng 16,9% so với tháng 10/2023. Tính chung 10 tháng đầu năm 2024, giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt mức 5.873 USD/tấn, tăng 3,0% so với cùng kỳ năm ngoái.



Diễn biến giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam qua các tháng năm 2023 - 2024 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan và ước tính tháng 11/2024

Cơ cấu thị trường

Tháng 10/2024 so với cùng kỳ năm ngoái, Việt Nam tăng xuất khẩu hạt điều sang hầu hết các thị trường truyền thống và tiềm năng, ngoại trừ xuất khẩu tới Ả rập Xê út giảm 1,9% về lượng, nhưng vẫn tăng 9,0% về trị giá. Đáng chú ý, xuất khẩu hạt điều sang nhiều thị trường ghi nhận mức tăng trưởng 2 con số, như: Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hà Lan, Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất.

Tính chung 10 tháng năm 2024, Việt Nam tăng xuất khẩu hạt điều sang hầu hết các thị trường truyền thống và tiềm năng, ngoại trừ xuất khẩu tới Ả rập Xê út giảm 1,9% về lượng, nhưng vẫn tăng 9,0% về trị giá. Đáng chú ý, xuất khẩu hạt điều sang nhiều thị trường ghi nhận mức tăng trưởng 2 con số, như: Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hà Lan, Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất.

10 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Việt Nam trong tháng 10 và 10 tháng năm 2024

Thị trường	Tháng 10/2024		So với tháng 10/2023 (%)		10 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm ngoái (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	10 tháng năm 2024	10 tháng năm 2023
Tổng	65.225	424.444	1,3	18,4	609.229	3.578.072	17,9	21,4	100,00	100,00
Hoa Kỳ	15.412	102.304	9,7	33,3	165.895	973.904	27,8	32,9	27,23	25,11
Trung Quốc	11.862	74.958	-20,0	-15,4	103.233	592.842	21,1	13,6	16,94	16,49

Thị trường	Tháng 10/2024		So với tháng 10/2023 (%)		10 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm ngoái (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	10 tháng năm 2024	10 tháng năm 2023
Hà Lan	7.011	41.795	1,2	8,7	57.397	337.133	12,5	14,3	9,42	9,87
Các TVQ Ả rập Thống nhất	4.143	31.009	105,6	167,7	20.456	133.683	50,4	74,5	3,36	2,63
Đức	2.600	16.378	27,5	47,9	21.449	123.022	21,1	24,2	3,52	3,43
Ca-na-đa	1.859	12.540	36,2	62,8	14.762	90.687	25,7	29,7	2,42	2,27
Anh	1.616	8.718	-6,8	3,6	17.032	87.323	9,6	10,0	2,80	3,01
Úc	1.626	9.502	-9,2	1,6	15.467	85.134	5,6	7,7	2,54	2,83
Ả Rập Xê út	1.033	7.649	9,9	45,5	10.390	65.942	-1,9	9,0	1,71	2,05
Tây Ban Nha	998	7.052	122,8	187,7	10.434	64.112	34,3	46,1	1,71	1,50
Thị trường khác	17.065	112.539	-6,4	13,9	172.714	1.024.290	8,5	15,1	28,35	30,81

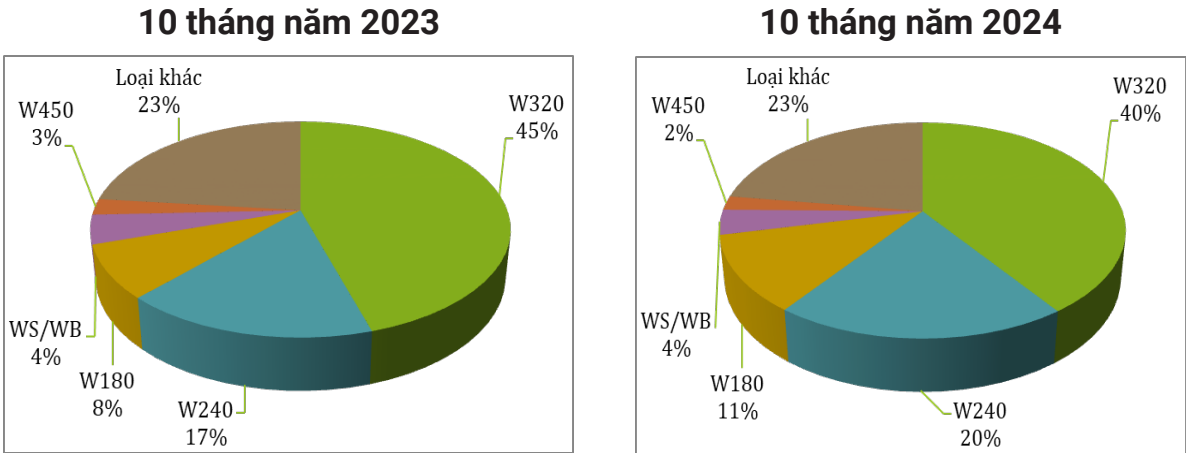
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Cơ cấu chủng loại

10 tháng đầu năm 2024, Việt Nam tổng kim ngạch xuất khẩu. Do đó, tăng xuất khẩu chủ yếu các chủng loại hạt trướng xuất khẩu các chủng loại hạt điều W320, W240, W180, tỷ trọng chiếm điều trên đã tác động tích cực lên toàn 64,62% tổng lượng và chiếm 71,08% ngành.

Cơ cấu chủng loại hạt điều xuất khẩu của Việt Nam

(Tỷ trọng % tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong 10 tháng đầu năm 2024, ngành phẩm hạt điều chế biến của Việt Nam điều Việt Nam tăng xuất khẩu hạt điều ngày càng được người tiêu dùng thế giới W180, W450, WS/WB, tốc độ tăng ưa chuộng. Đây được cho là tín hiệu rất trưởng khả quan. Điều này cho thấy, sản tích cực đối với ngành điều nước ta.

Chủng loại hạt điều xuất khẩu của Việt Nam trong 10 tháng năm 2024

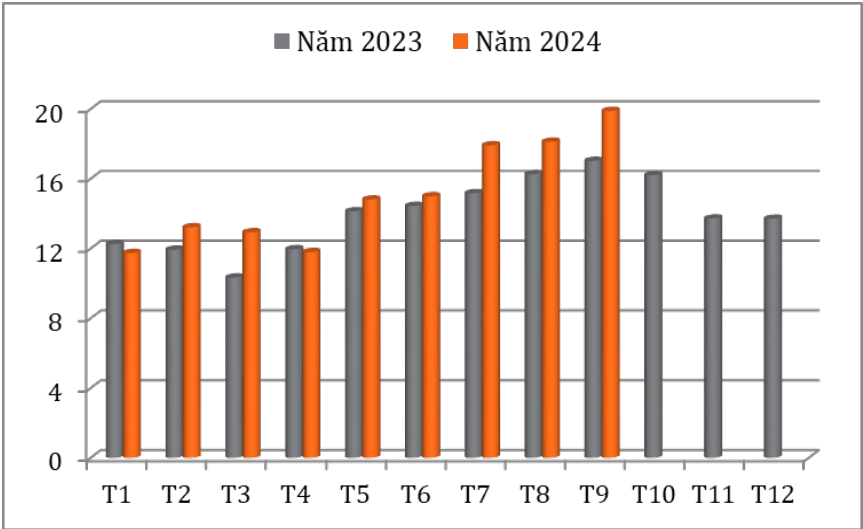
Chủng loại	10 tháng năm 2024			So với cùng kỳ năm ngoái (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
W320	232.658	1.441.586	6.196	4,8	7,7	2,7
W240	99.115	692.988	6.992	30,2	42,2	9,2
W180	61.939	408.660	6.598	92,2	75,9	-8,5
WS/WB	33.230	133.410	4.015	22,7	6,5	-13,2
W450	14.241	76.519	5.373	17,4	7,8	-8,2
LP	19.653	70.140	3.569	-4,4	-14,9	-11,0
DW	3.315	18.297	5.520	-6,5	6,9	14,3
W210	3.902	27.858	7.140	26,0	26,2	0,2
SP	6.650	16.853	2.534	-2,6	-4,2	-1,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA EU TỪ THỊ TRƯỜNG NGOẠI KHỐI TRONG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu, 9 tháng đầu năm 2024, EU nhập khẩu hạt điều từ thị trường ngoại khối đạt xấp xỉ 135,4 nghìn tấn, trị giá 729,5 triệu EUR (tương đương 768,32 triệu USD), tăng 9,6% về lượng và tăng 4,5% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

EU nhập khẩu hạt điều từ thị trường ngoại khối qua tháng năm 2023 - 2024 (ĐVT: nghìn tấn)



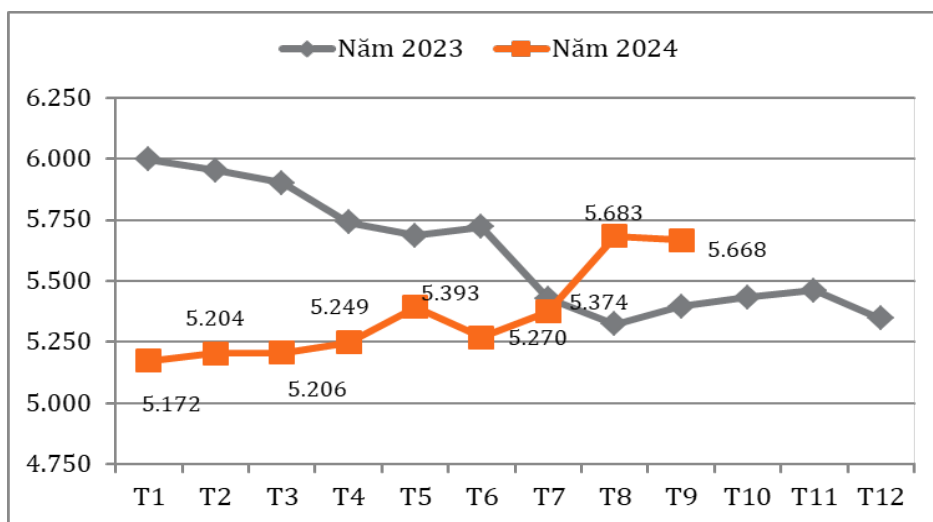
Nguồn: Cơ quan Thống kê châu Âu

Diễn biến giá bình quân nhập khẩu

9 tháng đầu năm 2024, giá bình quân nhập khẩu hạt điều của EU từ thị trường ngoại khối đạt mức 5.388 EUR/tấn, giảm 4,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong đó, giá bình quân nhập khẩu hạt điều của EU từ hầu hết các nguồn cung lớn giảm, ngoại trừ Ấn Độ.

Diễn biến giá bình quân nhập khẩu hạt điều của EU từ thị trường ngoại khối qua các tháng năm 2023 - 2024 (ĐVT: EUR/tấn)



Nguồn: Cơ quan Thống kê châu Âu

Cơ cấu nguồn cung

9 tháng đầu năm 2024, EU tăng nhập khẩu hạt điều từ hầu hết các nguồn cung lớn, ngoại trừ Ấn Độ.



Theo Cơ quan Thống kê châu Âu, 9 tháng đầu năm 2024, EU nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam đạt 97,52 nghìn tấn, trị giá 521,32 triệu EUR (tương đương 549 triệu USD), tăng 7,7% về lượng và tăng 3,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của EU từ thị trường ngoại khối giảm từ 73,31% trong 9 tháng năm 2023 xuống 72,03% trong 9 tháng năm 2024.

Tương tự, EU tăng mạnh nhập khẩu hạt điều từ các nguồn cung như: Bờ Biển Ngà, Bê-nanh và Ni-giê-ri-a, mức tăng lần lượt 23,6%, 234% và 52,9% về lượng,

xét về trị giá tăng lần lượt 13,5%, 198,8% và 26,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Ngược lại, EU giảm nhập khẩu hạt điều từ Ấn Độ trong 9 tháng đầu năm 2024, giảm 9,5% về lượng và giảm 7,0% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 7,12 nghìn tấn, trị giá 50,7 triệu EUR (tương đương 53,4 triệu USD). Thị phần hạt điều của Ấn Độ trong tổng lượng nhập khẩu của EU từ thị trường ngoại khối giảm từ 6,37% trong 9 tháng năm 2023 xuống 5,26% trong 9 tháng năm 2024.

5 thị trường ngoại khối cung cấp hạt điều (mã HS 080131; 080132) lớn nhất cho EU trong 9 tháng đầu năm 2024

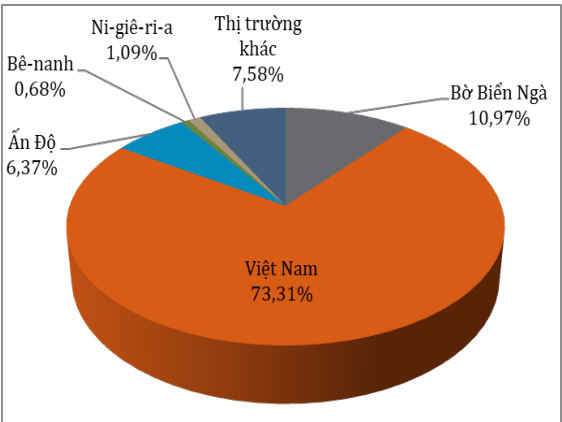
Thị trường	9 tháng 2024				So với cùng kỳ năm ngoái (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn EUR)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (EUR/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Ngoại khối EU	135.397	729.500	768.324	5.388	9,6	4,5	-4,6
Việt Nam	97.526	521.320	549.065	5.345	7,7	3,4	-4,0
Bờ Biển Ngà	16.746	84.652	89.157	5.055	23,6	13,5	-8,2
Ấn Độ	7.122	50.702	53.400	7.119	-9,5	-7,0	2,7
Bê-nanh	2.801	14.653	15.433	5.232	234,0	198,8	-10,5
Ni-giê-ri-a	2.068	9.108	9.593	4.404	52,9	26,4	-17,4
Thị trường khác	9.134	49.065	51.677	5.372	-2,5	-6,9	-4,6

Nguồn: Cơ quan Thống kê châu Âu - Tỷ giá 1 EUR = 1,05322 USD

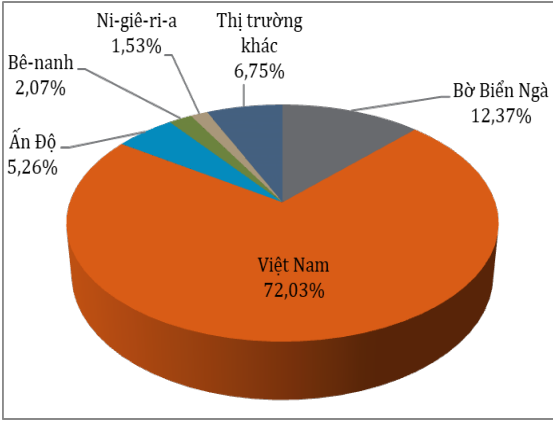
Cơ cấu thị trường ngoại khối cung cấp hạt điều cho EU

(Tỷ trọng % tính theo lượng)

9 tháng năm 2023



9 tháng năm 2024



Nguồn: Cơ quan Thống kê châu Âu

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

- ▶ 10 tháng năm 2024, nhập khẩu sầu riêng của Trung Quốc đạt 1,5 triệu tấn, trị giá 6,68 tỷ USD, tăng 10,1% về lượng và tăng 4,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.
- ▶ 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam ước đạt 6,66 tỷ USD, tăng 28,2% so với cùng kỳ năm ngoái.
- ▶ Thị phần rau, củ, quả và sản phẩm chế biến của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Anh tăng từ 0,22% trong 9 tháng đầu năm 2023 lên 0,3% trong 9 tháng đầu năm 2024.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Theo số liệu từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 10 tháng năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu sầu riêng đạt xấp xỉ 1,5 triệu tấn, trị giá gần 6,68 tỷ USD, tăng 10,1% về lượng và tăng 4,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Lượng tiêu thụ sầu riêng tại Trung Quốc chiếm 91% lượng tiêu thụ trên toàn thế giới vào năm 2023, cho thấy tiềm năng to lớn của thị trường này.

Dù giữ vị trí nhà cung cấp sầu riêng lớn nhất tại Trung Quốc trong 10 tháng năm 2024, tuy nhiên Thái Lan đang chịu sự cạnh tranh rất lớn đến từ các quốc gia Đông Nam Á, điển hình là Việt Nam.

Để bảo vệ thị phần của mình, Thái Lan khuyến khích tập trung vào việc tăng cường kiểm soát chất lượng và các tiêu chuẩn, giải quyết các vấn đề như sầu riêng mềm và tình trạng sâu bệnh. Việc đổi mới các giống sầu riêng mới phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng cũng có thể mang lại cho sầu riêng Thái



Lan lợi thế cạnh tranh trên thị trường Trung Quốc. Tuyến đường sắt Trung Quốc - Lào đã giảm đáng kể chi phí và thời gian vận chuyển đối với sầu riêng Thái Lan, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Tuy nhiên, khi thị trường đang gần bão hòa, việc đổi mới và thích ứng liên tục là điều bắt buộc đối với các nhà xuất khẩu Thái Lan để duy trì vị trí dẫn đầu thị trường của họ.

Nguồn cung sầu riêng cho Trung Quốc trong 10 tháng năm 2024

Thị trường	10 tháng năm 2024			So với cùng kỳ năm ngoái (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	1.497.078	6.677.382	4.460	10,1	4,4	-5,1
Thái Lan	784.872	3.866.825	4.927	-13,2	-12,7	0,6
Việt Nam	701.715	2.781.422	3.964	55,0	42,5	-8,1
Phi-lip-pin	10.250	25.024	2.441	208,2	110,0	-31,9
Ma-lai-xi-a	241	4.111	17.063			

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc

- Theo số liệu từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc giảm nhập khẩu chuối từ Trung Quốc, trong 10 tháng năm 2024, các thị trường: Phi-líp-pin, Căm-pu-chia, Trung Quốc nhập khẩu chuối đạt 1,37 Thái Lan. Ngược lại, Trung Quốc tăng triệu tấn, trị giá 733,78 triệu USD, giảm mạnh nhập khẩu chuối từ Việt Nam, 6,4% về lượng và giảm 19,6% về trị giá Lào, Mê-hi-cô... so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó,

Nguồn cung chuối cho Trung Quốc trong 10 tháng năm 2024

Thị trường	10 tháng năm 2024			So với cùng kỳ năm ngoái (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	1.370.827	733.780	535	-6,4	-19,6	-14,1
Việt Nam	523.712	218.084	416	27,0	7,8	-15,2
Phi-lip-pin	357.015	201.251	564	-37,4	-44,0	-10,5
Ê-cu-a-đo	200.358	134.365	671	-10,0	-13,9	-4,3
Căm-pu-chia	201.235	129.401	643	-8,4	-20,9	-13,6
Lào	69.866	34.623	496	144,0	69,7	-30,4
Mê-hi-cô	11.502	10.528	915	87,5	88,8	0,7
Thái Lan	3.369	4.132	1.226	-9,3	-10,4	-1,2
In-đô-nê-xi-a	1.344	713	530	63,7	22,5	-25,2
Mi-an-ma	2.427	683	282			

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM TRONG 11 THÁNG NĂM 2024

Tháng 11/2024, xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam tiếp tục giảm, trong đó xuất khẩu sầu riêng giảm chủ yếu do sầu riêng Tây Nguyên vào cuối vụ thuận và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam bộ vào vụ nghịch.

Theo ước tính, xuất khẩu rau quả của Việt Nam trong tháng 11/2024 đạt 500 triệu USD, giảm 3,8% so với tháng trước, nhưng vẫn tăng tới 34,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu rau quả của nước ta đạt khoảng 6,66 tỷ USD, tăng 28,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Như vậy, kết thúc 11 tháng năm 2024, xuất khẩu rau quả của Việt Nam đã đạt con số ấn tượng. Sự tăng trưởng vượt bậc của sản lượng các loại trái cây chủ lực, kết hợp với việc khai thác hiệu quả thị trường Trung Quốc, đã giúp xuất khẩu rau quả Việt Nam đạt được những thành tích đáng ghi nhận trong thời gian qua.

Dự báo xuất khẩu rau quả trong tháng cuối năm sẽ đối mặt với những thách thức nhất định do nguồn cung một số loại trái cây chủ lực giảm. Tuy nhiên, nhu cầu thị trường thế giới tăng cao, đặc biệt là Trung Quốc, cùng với các Hiệp định thương mại sẽ là động lực hỗ trợ xuất khẩu.

Số liệu từ Tổng cục Hải quan cho thấy, đóng góp phần lớn vào tốc độ tăng trưởng chung toàn ngành trong 10 tháng năm 2024 là mặt hàng sầu riêng, tỷ trọng chiếm 49,11% tổng kim ngạch, đạt trên 3 tỷ USD, tăng 45,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu nhiều chủng loại rau quả khác tăng, gồm: dứa (tăng 60,6%); chuối (tăng 26,8%); xoài (tăng 43,5%); mít (tăng 21,3%); hạt dẻ cười (tăng 40,4%); hạnh nhân (tăng 58,2%); dứa hấu (tăng 53,7%)... Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu thanh long và chanh leo giảm lần lượt 18,1% và 24,1%.

10 mặt hàng rau quả xuất khẩu đạt kim ngạch cao nhất trong 10 tháng đầu năm 2024

Chủng loại	Tháng 10/2024 (Nghìn USD)	So với tháng 9/2024 (%)	So với tháng 10/2023 (%)	10 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm ngoái (%)	Tỷ trọng (%)	
						10 tháng năm 2024	10 tháng năm 2023
Tổng	519.800	-43,3	-14,6	6.160.306	27,8	100,00	100,00
Sầu riêng	212.412	-68,4	-39,4	3.025.091	45,7	49,11	43,06
Thanh long	45.704	36,8	-16,3	449.071	-18,1	7,29	11,38
Dừa	32.844	18,0	78,4	312.906	60,5	5,08	4,04

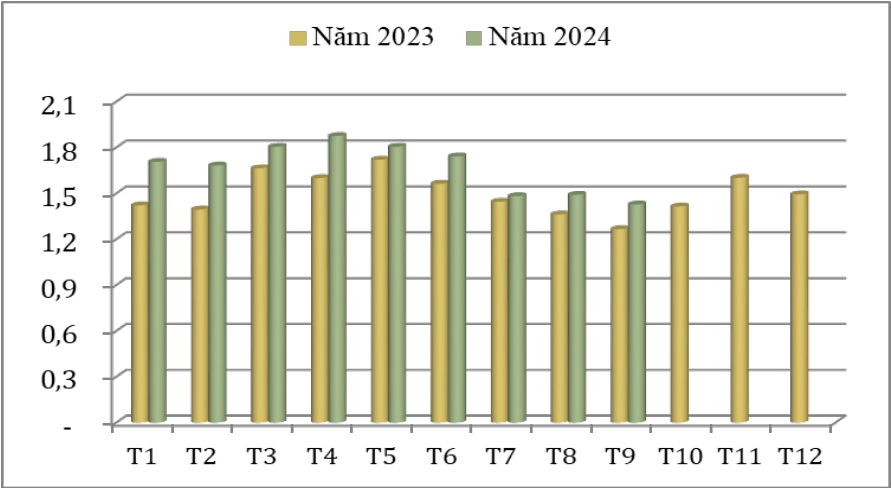
Chủng loại	Tháng 10/2024 (Nghìn USD)	So với tháng 9/2024 (%)	So với tháng 10/2023 (%)	10 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm ngoái (%)	Tỷ trọng (%)	
						10 tháng năm 2024	10 tháng năm 2023
Chuối	29.041	33,9	82,1	311.610	26,8	5,06	5,10
Xoài	26.677	52,3	73,7	308.124	43,5	5,00	4,45
Mít	16.121	240,8	-27,6	221.516	21,3	3,60	3,79
Chanh leo	11.194	-2,4	-10,2	146.583	-24,1	2,38	4,01
Hạt dẻ cười	18.834	68,6	33,5	140.290	40,4	2,28	2,07
Hạnh nhân	15.132	61,7	51,1	95.684	58,2	1,55	1,25
Dưa hấu	766	-30,9	-10,4	84.438	53,7	1,37	1,14
Loại khác	111.074	4,4	18,2	1.064.994	12,1	17,29	19,70

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU RAU QUẢ CỦA ANH TRONG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong 9 tháng đầu năm 2024, Anh nhập khẩu rau, củ, quả và sản phẩm chế biến (HS 06, 07, 08 và HS 20 - không bao gồm hạt điều có mã HS 080131; 080132) đạt trên 15 tỷ USD, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trị giá nhập khẩu hàng rau quả vào Anh năm 2023 - 2024
(ĐVT: Tỷ USD)



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Cơ cấu nguồn cung

9 tháng đầu năm 2024, Anh nhập khẩu rau, củ, quả và sản phẩm chế biến từ 163 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, các nguồn cung chủ yếu của Anh gồm: Tây Ban Nha, Hà Lan, Bỉ, Ý và Nam Phi.

Việt Nam là nguồn cung rau, củ, quả và sản phẩm chế biến lớn thứ 35 cho thị trường Anh, kim ngạch đạt 45,17 triệu USD, tăng 55,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần rau, củ, quả và sản phẩm chế biến của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Anh từ thế giới tăng từ 0,22% trong 9 tháng đầu năm 2023 lên 0,3% trong 9 tháng đầu năm 2024.

Theo Thương vụ Việt Nam tại Anh cho biết, ngày càng có nhiều mặt hàng trái cây, rau củ của nước ta được ưa chuộng tại Anh. Tuy nhiên, thị trường Anh có các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định về

an toàn thực phẩm, môi trường rất khắt khe về kiểm dịch thực vật, quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc. Nhìn chung, các sản phẩm của Việt Nam đã nhận được phản hồi tốt từ phía khách hàng châu Âu. Do đó, ngành hàng rau quả Việt Nam còn nhiều tiềm năng để xuất khẩu sang Anh.



Một số nguồn cung rau quả cho Anh trong 9 tháng đầu năm 2024

	Thị trường	9 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	9 tháng năm 2023 (Nghìn USD)	So sánh (%)	Thị phần (%)	
					9 tháng năm 2024	9 tháng năm 2023
	Tổng	15.003.833	13.410.574	11,9	100,00	100,00
1	Tây Ban Nha	2.561.931	2.344.214	9,3	17,08	17,48
2	Hà Lan	2.377.107	2.330.001	2,0	15,84	17,37
3	Bỉ	1.104.398	950.003	16,3	7,36	7,08
4	Ý	923.174	886.114	4,2	6,15	6,61
5	Nam Phi	678.218	575.434	17,9	4,52	4,29
...						
35	Việt Nam	45.170	29.004	55,7	0,30	0,22

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

THỊ TRƯỜNG THỊT

- ▶ Dự kiến sản lượng thịt toàn cầu năm 2024 tăng 1,4% so với năm 2023..
- ▶ Trong tháng 11/2024, giá lợn hơi trong nước dao động trong khoảng 61.000 - 64.000 đồng/kg.
- ▶ 10 tháng năm 2024, Việt Nam xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt tăng 2,8% về lượng, nhưng giảm 5,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023; Nhập khẩu thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh vào Việt Nam trong 10 tháng năm 2024 giảm 17,8% về lượng so với cùng kỳ năm 2023.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), dự kiến sản lượng thịt toàn cầu sẽ đạt 373 triệu tấn vào năm 2024, tăng 1,4% so với năm 2023. Dự kiến sự tăng trưởng này đến từ sản lượng thịt gia cầm và thịt bò tăng, thịt cừu tăng nhẹ, trong khi sản lượng thịt lợn dự kiến sẽ giảm nhẹ. Dự kiến sản lượng thịt gia cầm tăng phản ánh nhu cầu tiêu dùng mạnh mẽ do giá cả phải chăng, với biên lợi nhuận chăn nuôi tốt mặc dù có dịch cúm gia cầm độc lực cao bùng phát ở một số vùng sản xuất hàng đầu.

Đối với thịt bò, dự kiến nguồn cung trên thế giới sẽ tăng do lượng giết mổ gia súc cao kỷ lục, chủ yếu ở Bra-xin, do chi phí sản xuất giảm và nhu cầu nhập khẩu toàn cầu mạnh mẽ. Tương tự, sản lượng thịt cừu dự kiến sẽ tăng do khả năng giết mổ cao hơn ở Úc, sau giai đoạn tái đàn và nhu cầu quốc tế mạnh mẽ. Sản lượng thịt lợn toàn cầu dự kiến sẽ giảm nhẹ, chủ yếu đến từ những nỗ lực ở Trung Quốc nhằm hạn chế tăng trưởng sản lượng và nâng cao lợi nhuận của ngành. Tuy nhiên, điều này có thể sẽ được bù

đắp một phần bởi sản lượng tăng ở những nơi khác.

Sau hai năm suy giảm, thương mại thế giới về thịt và các sản phẩm từ thịt dự kiến sẽ đạt 41,9 triệu tấn vào năm 2024, tăng



3,2% so với năm 2023. Tăng trưởng dự kiến chủ yếu đến từ nhu cầu nhập khẩu thịt bò cao hơn của Hoa Kỳ do nguồn cung nội địa hạn chế, cũng như nhu cầu tiêu dùng tăng ở nhiều nước nhập khẩu khác, do chi phí sinh hoạt đã bớt áp lực. Ngoài ra, nguồn cung xuất khẩu dồi dào từ một số nước sản xuất lớn, kết hợp với việc dỡ bỏ lệnh cấm thương mại liên quan đến bệnh động vật và giảm thuế quan nhằm ổn định giá trong nước, có khả năng sẽ thúc đẩy thương mại thịt toàn cầu. Ngoại trừ thịt bò, lượng thịt nhập khẩu của Trung Quốc dự kiến sẽ giảm vào năm 2024 do nguồn cung nội

địa dồi dào và nhu cầu tiêu dùng yếu trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế chậm hơn dự kiến.

Giá thịt quốc tế, theo Chỉ số giá thịt của FAO, đã có xu hướng tăng trong suốt năm 2024, mặc dù nguồn cung tăng từ một số quốc gia sản xuất lớn. Sự gia tăng này chủ yếu là do nhu cầu nhập khẩu toàn cầu mạnh mẽ từ một số quốc gia chủ chốt do nguồn cung nội địa hạn chế và điều kiện kinh tế cải thiện. Ngoài ra, các đợt bùng phát dịch bệnh động vật lan rộng và căng thẳng địa chính trị ảnh hưởng đến hậu cần thương mại toàn cầu đã tạo thêm áp lực tăng giá thịt toàn cầu.

THỊ TRƯỜNG THỊT LỢN TRONG NƯỚC

Tháng 11/2024, giá lợn hơi trong nước biến động không đều so với tháng trước, dao động trong khoảng 61.000-64.000 đồng/kg. Cụ thể:

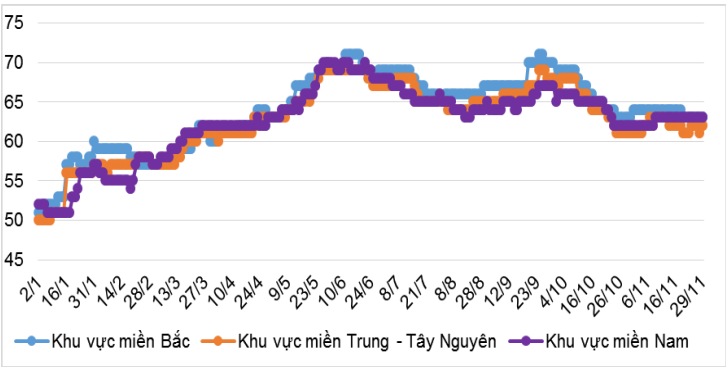
Giá lợn hơi tại khu vực miền Bắc dao động trong khoảng 63.000 - 64.000 đồng/kg, những ngày đầu tháng 11 giá giảm 5.000 đồng/kg, đến giữa tháng giảm từ 1.000 - 4.000 đồng/kg, những ngày cuối tháng giảm 1.000 đồng/kg so với cuối tháng trước.

Giá lợn hơi tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên dao động trong khoảng 61.000 - 63.000 đồng/kg, trong những ngày đầu tháng giá lợn hơi giảm từ 3.000 - 7.000 đồng/kg, đến giữa tháng giảm từ 2.000 - 3.000 đồng/kg, đến gần cuối tháng ổn định và tăng 1.000 đồng/kg so với cuối

tháng trước.

Giá lợn hơi tại khu vực miền Nam dao động trong khoảng 62.000-63.000 đồng/kg, những ngày đầu tháng giá lợn hơi giảm từ 2.000 - 4.000 đồng/kg, sau tiếp tục giảm 1.000 - 2.000 đồng/kg, đến những ngày cuối tháng tăng 1.000 đồng/kg so với cuối tháng trước.

Diễn biến giá lợn hơi trong nước từ đầu năm 2024 đến nay (Đơn vị tính: nghìn đồng)



Nguồn: Trung tâm Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

TÌNH HÌNH XUẤT, NHẬP KHẨU THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT CỦA VIỆT NAM

+ Tình hình xuất khẩu: Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, 10 tháng năm 2024, Việt Nam xuất khẩu 18,61 nghìn tấn thịt và các sản phẩm thịt, trị giá 83,74 triệu USD, tăng 2,8% về lượng, nhưng giảm 5,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Trong 10 tháng năm 2024, thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam xuất khẩu tới thêm 2 thị trường, nâng tổng số thị trường xuất khẩu lên 35 thị trường. Trong đó, Hồng Công vẫn là thị trường xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt lớn nhất của Việt Nam, chiếm 46,27% về lượng và chiếm 62,08% về trị giá trong tổng xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của cả nước, với lượng đạt 8,6 nghìn tấn, trị giá

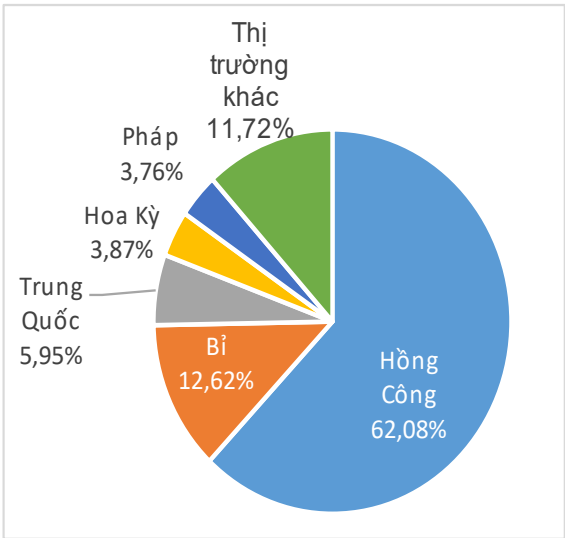
51,99 triệu USD, tăng 9,7% về lượng và tăng 6,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Sản phẩm thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường Hồng Công chủ yếu vẫn là thịt lợn sữa nguyên con đông lạnh và thịt lợn nguyên con đông lạnh.

Xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt trong 10 tháng năm 2024 tới một số thị trường đạt mức tăng trưởng tốt cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2023 như: Bỉ, Pháp, Tây Ban Nha, Xin-ga-po, Lào. Tuy nhiên, xuất khẩu giảm tới một số thị trường cả về lượng và trị giá như: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Ma-lai-xi-a, Căm-pu-chia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hà Lan...

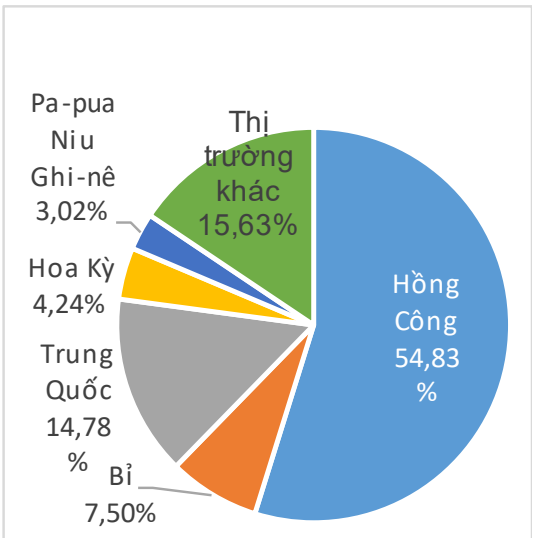
Cơ cấu thị trường xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam

(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

10 tháng năm 2024



10 tháng năm 2023



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong 10 tháng năm 2024, xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam chủ yếu gồm các chủng loại như: thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh chiếm 42,6% về lượng và chiếm 57,4% về trị giá; Thịt khác và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ của động vật khác tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh chiếm 34,9% về lượng và chiếm 26,8% về trị giá; Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ, của gia cầm tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh chiếm 20,1% về lượng và chiếm 14,3% về trị giá; Các chủng loại khác chiếm 2,4% về lượng và chiếm 1,5% về trị giá trong tổng xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam.

Thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh - chủng loại được xuất khẩu nhiều nhất, với lượng đạt 7,92 nghìn tấn, trị giá 48,11 triệu USD, giảm 9,7% về lượng và giảm 6,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị trường xuất khẩu chủ yếu chủng loại thịt này là Hồng Kông, xuất khẩu tới thị trường này giảm 6,6% về lượng và giảm 5,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Trong khi đó, xuất khẩu sang các thị trường như Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po vẫn tăng trưởng tốt.



+ Tình hình nhập khẩu: Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, trong 10 tháng năm 2024, Việt Nam nhập khẩu 703,61 nghìn tấn thịt và các sản phẩm từ thịt, trị giá 1,42 tỷ USD, tăng 15,2% về lượng và tăng 16,7% về trị giá so với 10 tháng năm 2023.

Ấn Độ vẫn là thị trường cung cấp thịt và các sản phẩm từ thịt lớn nhất cho Việt Nam, chiếm 22,67% trong tổng lượng thịt và các sản phẩm từ thịt nhập khẩu của cả nước, với 159,48 nghìn tấn, trị giá 531,49 triệu USD, tăng 13% về lượng và tăng 28% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

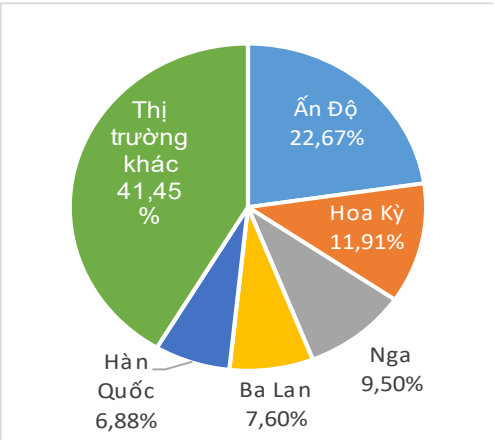
Nhập khẩu thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam từ nhiều thị trường tiếp tục tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2023 như: Úc, Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Ba Lan, Hàn Quốc, Hà Lan, Ác-hen-ti-na, Hồng Kông, Iran, Ý, Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản, Bỉ, Niu-Di-Lân, Pháp...

Tuy nhiên, nhập khẩu thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam giảm từ một số thị trường lớn như: Nga, Bra-xin, Tây Ban Nha, Đan Mạch.

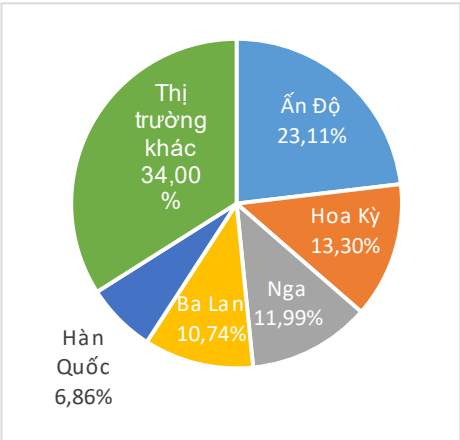
Trong 10 tháng năm 2024, Việt Nam chủ yếu nhập khẩu: thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ, của gia cầm tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt trâu tươi đông lạnh; Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, trâu, bò sống ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt bò tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh... Trong đó, lượng nhập khẩu các chủng loại đều tăng, trừ thịt lợn tươi ướp lạnh giảm so với 10 tháng năm 2023.

Cơ cấu thị trường cung cấp thịt và các sản phẩm từ thịt cho Việt Nam
(Tỷ trọng % tính theo lượng)

10 tháng năm 2024



10 tháng năm 2023



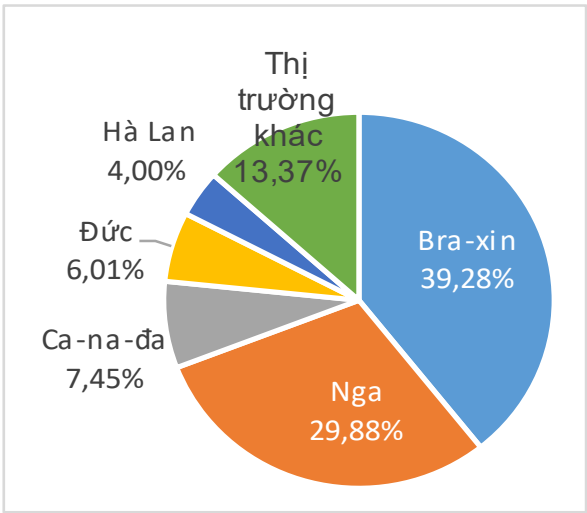
Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh của Việt Nam trong 10 tháng năm 2024 đạt 84,49 nghìn tấn, trị giá 191,55 triệu USD, giảm 17,8% về lượng và giảm 23,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023; Giá trung bình ở mức 2.262 USD/tấn, giảm 7,5% so với cùng kỳ năm 2023.

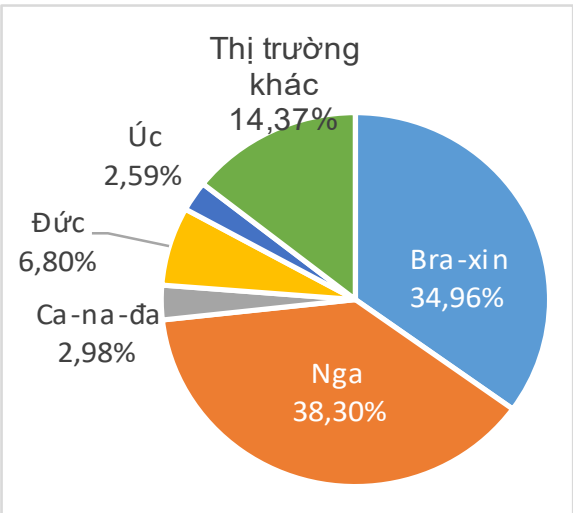
10 tháng năm 2024, Việt Nam nhập khẩu thịt lợn từ 40 thị trường trên thế giới, trong đó Bra-xin chiếm 39,28% tổng lượng thịt lợn nhập khẩu của cả nước, Nga chiếm 29,88%, Ca-na-đa chiếm 7,45%, Đức chiếm 6,01%, Hà Lan chiếm 4%, các thị trường khác chiếm 13,37%.

Cơ cấu thị trường cung cấp thịt lợn cho Việt Nam
(Tỷ trọng % tính theo lượng)

10 tháng năm 2024



10 tháng năm 2023



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ 10 tháng năm 2024, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 18,6 tỷ USD, tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2023.
- ▶ Doanh thu ngành nội thất của Bỉ giảm 7% trong nửa đầu năm 2024.
- ▶ 11 tháng năm 2024, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam ước đạt 14,6 tỷ USD, tăng 20,5% so với cùng kỳ năm 2023
- ▶ Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam giảm trong tổng trị giá nhập khẩu của Pháp từ các thị trường ngoài khối.

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

Trung Quốc: Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong tháng 10/2024, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 1,95 tỷ USD, tăng 12,8% so với tháng 9/2024 và tăng 0,9% so với tháng 10/2023. Tính chung 10 tháng năm 2024, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 18,6 tỷ USD, tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2023.

Trung Quốc xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ tới một số thị trường chính trong 10 tháng năm 2024 gồm: Hoa Kỳ đạt 5,6 tỷ USD, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 203; Anh đạt 1,3 tỷ USD, tăng 13,3%; Úc đạt 1,2 tỷ USD, tăng 13,6%; Nhật Bản đạt 1 tỷ USD, giảm 4,7%...

Bỉ: Dẫn nguồn brusselstimes.com, theo số liệu từ Liên đoàn Công nghiệp Dệt may, Gỗ và Nội thất Bỉ (Fedustria), ngành công nghiệp đồ nội thất Bỉ đã chứng kiến doanh số bán hàng giảm vào năm 2023 và nửa đầu năm 2024 do nhu cầu giảm.



Doanh thu của ngành đồ nội thất của Bỉ trong năm 2023 đạt 2,1 tỷ Eur (tương đương 2,2 tỷ USD), giảm 7% so với năm 2022. Khối lượng sản xuất cũng giảm 10,9%, trong khi giá sản xuất tăng 3,9%.

Ngành đồ nội thất nhà bếp là phân khúc duy nhất duy trì doanh thu ổn định vào năm 2023, mặc dù sản lượng giảm 7,8% do giá bán tăng 8,6%. Các ngành khác, bao gồm đồ nội thất, đồ nội thất văn phòng và cửa hàng, giường, đều ghi nhận mức doanh thu giảm.

Xu hướng tương tự tiếp tục diễn ra trong nửa đầu năm 2024, khi ngành này chứng kiến mức giảm 7,8% về tổng

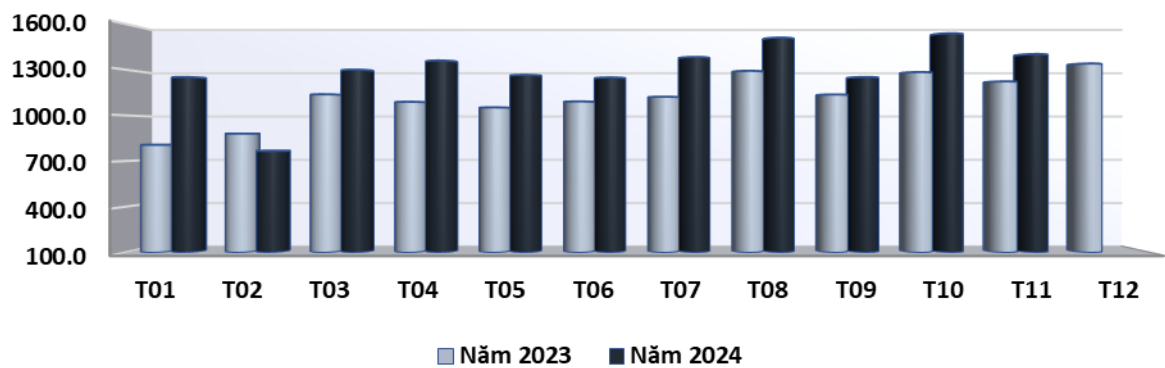
doanh thu so với cùng kỳ năm 2023. Fedustria cho rằng nhu cầu giảm trong lĩnh vực đồ nội thất là do hoạt động trong lĩnh vực xây dựng giảm, do lãi suất thế chấp cao và giá cả tăng. Trong năm 2024, Fedustria dự đoán lĩnh vực bất động sản sẽ không phục hồi và sẽ tiếp tục suy giảm nhẹ, điều này tác động trực tiếp đến ngành nội thất của Bỉ.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Ước tính, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong tháng 11/2024 đạt 1,4 tỷ USD, giảm 8,9% so với tháng 10/2024, nhưng tăng 14,3% so với tháng 11/2023; trong đó trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 957 triệu USD, giảm 8,9% so với tháng 10/2024,

nhưng tăng 9,8% so với tháng 11/2023. Tính chung 11 tháng năm 2024, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước tính đạt 14,6 tỷ USD, tăng 20,5% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 10,06 tỷ USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2023.

Tình hình xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam qua các tháng năm 2023 - 2024 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan và số liệu ước tính tháng 11/2024

Trong 10 tháng năm 2024, đồ nội thất bằng gỗ vẫn là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của ngành gỗ, trị giá xuất khẩu nhóm

hàng này chiếm 61,4% tổng trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, đạt 8,1 tỷ USD, tăng 23,5% so với cùng kỳ năm 2023.

Hầu hết các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ đều ghi nhận tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao trong 10 tháng năm 2024. Dẫn đầu về trị giá xuất khẩu là ghế khung gỗ đạt 2,8 tỷ USD, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2023; tiếp theo là đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 2,2 tỷ USD, tăng 20,9%; đồ nội thất phòng ngủ đạt 1,7 tỷ USD, tăng 29,2%... Những tháng cuối năm thường là giai đoạn cao điểm trong hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, đặc biệt là nhóm hàng đồ nội thất bằng gỗ, vì vậy trị giá xuất khẩu nhóm hàng

này tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao khi nhu cầu thị trường tăng. Đây lại là nhóm hàng chiếm tỷ trọng cao, do đó tốc độ tăng trưởng nhanh của nhóm hàng này góp phần thúc đẩy xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng trưởng tích cực trong năm 2024.

Ngoài đồ nội thất bằng gỗ, trong 10 tháng năm 2024 các mặt hàng khác trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu đều ghi nhận tốc độ tăng trưởng tích cực như: Gỗ, ván và ván sàn, dăm gỗ, gỗ viên nén, cửa gỗ...

Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tháng 10 và 10 tháng năm 2024

Thị trường	Tháng 10/2024 (nghìn USD)	So với tháng 10/2023 (%)	10 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
					10 tháng năm 2024	10 tháng năm 2023
Tổng	1.502.752	16,8	13.219.410	21,2	100,0	100,0
Đồ nội thất bằng gỗ	947.831	20,3	8.113.389	23,5	61,4	60,2
Ghế khung gỗ	331.179	24,9	2.794.660	24,0	21,1	20,7
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	249.516	12,5	2.206.233	20,9	16,7	16,7
Đồ nội thất phòng ngủ	205.606	29,9	1.700.029	29,2	12,9	12,1
Đồ nội thất nhà bếp	125.899	7,5	1.158.515	21,4	8,8	8,8
Đồ nội thất văn phòng	35.630	39,7	253.952	14,8	1,9	2,0
Gỗ, ván và ván sàn	193.602	9,8	1.649.096	13,8	12,5	13,3
Dăm gỗ	241.879	13,1	2.225.725	19,8	16,8	17,0
Gỗ viên nén	95.289	74,9	639.108	14,2	4,8	5,1
Cửa gỗ	5.096	-10,5	49.445	26,2	0,4	0,4
Đồ gỗ mỹ nghệ	4.060	144,2	33.497	63,5	0,3	0,2
Khung gương	180	33,2	1.615	-22,9	0,0	0,0

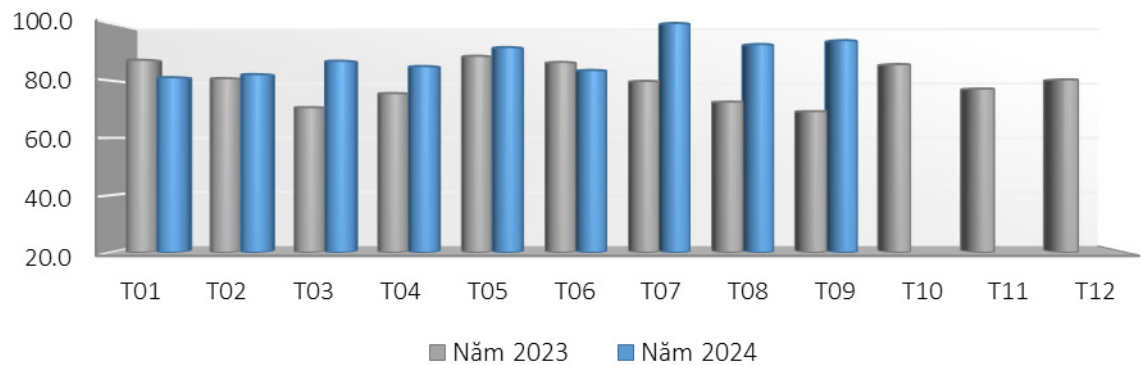
Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan



DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ CỦA PHÁP TỪ CÁC THỊ TRƯỜNG NGOÀI KHỐI EU VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), trong tháng 9/2024 nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Pháp từ các thị trường ngoài khối EU đạt 94 triệu Eur (tương đương 98,7 triệu USD), tăng 35,7% so với tháng 9/2023. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Pháp từ các thị trường ngoài khối EU đạt 798,5 triệu Eur (tương đương 838,5 triệu USD), tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2023.

Nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Pháp từ thị trường ngoài khối EU qua các tháng năm 2023 - 2024 (ĐVT: Triệu Eur)



Nguồn: Eurostat

Về thị trường: Trung Quốc là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ ngoài khối EU lớn nhất cho Pháp trong 9 tháng đầu năm 2024, đạt 463,5 triệu Eur (tương đương 486,7 triệu USD), tăng 22,3% so với cùng kỳ năm 2023.

Việt Nam là thị trường ngoài khối EU cung cấp lớn thứ hai cho Pháp, nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 11,7% tổng trị giá nhập khẩu từ các thị trường ngoài khối trong 9 tháng năm 2024, đạt 93,6 triệu USD, giảm 2,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Dư địa thị trường lớn là cơ hội để các doanh nghiệp xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam có cơ hội mở rộng thị phần tại Pháp. Tuy nhiên, để khai thác tốt thị trường Pháp, các doanh nghiệp xuất khẩu cần chú ý đến các tiêu chuẩn chất lượng và qui định khắt khe của thị trường này. Việc nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng các yêu cầu về quy định gỗ, bảo vệ môi trường là rất quan trọng để tăng tính cạnh tranh tại thị trường Pháp.

Thị trường ngoài khối EU cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho Pháp trong 9 tháng đầu năm 2024

Thị trường	9 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
	Nghìn Eur	Nghìn USD		9 tháng năm 2024	9 tháng năm 2023
Tổng	798.531	838.457	12,3	100,0	100,0
Trung Quốc	463.506	486.681	22,3	58,0	53,3
Việt Nam	93.636	98.318	-2,6	11,7	13,5
Thổ Nhĩ Kỳ	44.593	46.823	14,9	5,6	5,5
In-đô-nê-xi-a	42.894	45.039	-0,8	5,4	6,1
Anh	35.805	37.595	13,7	4,5	4,4

Thị trường	9 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
	Nghìn Eur	Nghìn USD		9 tháng năm 2024	9 tháng năm 2023
Ấn Độ	31.998	33.598	-1,5	4,0	4,6
Bra-xin	20.136	21.143	-3,9	2,5	2,9
Xéc-bi-a	16.167	16.975	17,6	2,0	1,9
Ma-lai-xi-a	11.493	12.068	12,4	1,4	1,4
Thụy Sĩ	6.353	6.670	-33,6	0,8	1,3
Thị trường khác	31.950	33.547	-10,0	4,0	5,0

Nguồn: Eurostat- Tỷ giá 1 Eur = 1,05 USD

Về mặt hàng: 9 tháng đầu năm 2024, Pháp tăng nhập khẩu tất cả các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ, trong đó, dẫn đầu là đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 368,6 triệu Eur (tương đương 387 triệu USD), tăng 11,8% so với cùng kỳ năm 2023; tiếp theo là ghế khung gỗ đạt 289,2 triệu Eur (tương đương 303,7 triệu USD), tăng 11,9%; đồ nội thất phòng ngủ đạt 98,7 triệu Eur (tương đương 103,6 triệu USD), tăng 22%... Đáng chú ý, các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ Pháp nhập khẩu nhiều từ các thị trường ngoài khối đều là các mặt hàng mà Việt Nam có thế mạnh, vì vậy cơ hội để tăng thị phần tại thị trường Pháp là rất khả quan.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ nhập khẩu từ thị trường ngoài khối EU vào Pháp trong 9 tháng đầu năm 2024

Thị trường	9 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
	Nghìn Eur	Nghìn USD		9 tháng năm 2024	9 tháng năm 2023
Tổng	798.531	838.457	12,3	11,7	13,5
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn (HS 940360)	368.551	386.978	11,8	10,9	12,0
Ghế khung gỗ (HS 940161 + 940169)	289.191	303.650	11,9	13,9	16,8
Đồ nội thất phòng ngủ (HS 940350)	98.673	103.607	22,0	10,8	13,7
Đồ nội thất nhà bếp (HS 940340)	22.870	24.014	2,9	2,6	2,1
Đồ nội thất văn phòng (HS 940330)	19.246	20.208	-2,1	10,0	7,1

Nguồn: Eurostat - Tỷ giá 1 Eur = 1,05 USD

GACC TRIỂN KHAI “HỆ THỐNG ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NƯỚC NGOÀI VỀ NHẬP CẢNH ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT VÀ SẢN PHẨM CỦA CHÚNG”

Ngày 26/11/2024, Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ban hành công văn số 2704/BVTV-ATTPMT về các nội dung sau:

1. Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu rau tươi, ngũ cốc (trừ gạo), các loại đậu khô, hạt có dầu, cà phê chưa rang, gia vị có nguồn gốc từ thực vật sang Trung Quốc, Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) đã triển khai “Hệ thống đăng ký kiểm dịch đối với các doanh nghiệp nước ngoài về nhập cảnh động vật, thực vật và sản phẩm của chúng” trên website:

<http://scintl.chinaport.gov.cn/aprwebserver/pages/apr/public/html/companyList.html> kể từ ngày 23 tháng 10 năm 2024.

Các doanh nghiệp đã đăng ký xuất khẩu các sản phẩm trên tra cứu thông tin và số đăng ký do GACC cấp tại đường link này.

2. Doanh nghiệp đã thực hiện bổ sung thông tin theo quy định của GACC tại Công hàm số 353 nếu phát hiện có sai sót trên hệ thống thì gửi công văn đề nghị thay đổi thông tin theo Mẫu số 01 về **Cục Bảo vệ thực vật (Phòng An toàn thực phẩm và Môi trường); Địa chỉ: Số 149, Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội; Điện thoại: 024.3533.4036; Email: qlattpmt.bvtv@mard.gov.vn** để Cục Bảo vệ thực vật đề nghị GACC điều chỉnh thông tin.

3. Các doanh nghiệp đăng ký mới hoặc chưa thực hiện bổ sung thông tin theo quy định của GACC tại **Công Hàm số 353 có nhu cầu xuất khẩu các sản phẩm trên thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 637/BVTV-ATTPMT ngày 15/03/2023 của Cục Bảo vệ thực vật.**

4. Đề nghị các doanh nghiệp đã được GACC cấp số đăng ký nhưng không còn nhu cầu xuất khẩu các sản phẩm trên sang Trung Quốc thì gửi công văn đề nghị huỷ số đăng ký do GACC cấp theo Mẫu số 01 về Cục Bảo vệ thực vật (Phòng An toàn thực phẩm và Môi trường) để Cục Bảo vệ thực vật đề nghị GACC huỷ số đăng ký.

Mẫu số 01

(Kèm theo Công văn số /BVTV-ATTPMT ngày tháng 11 năm 2024 của
Cục Bảo vệ thực vật)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm 202....

ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI THÔNG TIN

ĐĂNG KÝ XUẤT KHẨU SANG TRUNG QUỐC

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật

1. Tên cơ sở sản xuất

Tên tiếng Việt:

Tên tiếng Anh:

2. Địa chỉ nơi đặt trụ sở

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

4. Tên người đại diện hợp pháp:

Điện thoại:

Email:

5. Tên người liên lạc: ...

Điện thoại: ...

Email:

6. Số giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập tại Việt Nam:

7. Số đăng ký đã được GACC cấp: QVNM

- Thông tin đề nghị thay đổi/đính chính:

STT	Thông tin trên hệ thống	Thông tin đề nghị thay đổi/đính chính	Giải trình

Tài liệu kèm theo:

1.

2.

- Đề nghị huỷ số đăng ký QVNM

Lý do (nếu có):

Chúng tôi xin cam đoan rằng các thông tin và tài liệu liên quan là đúng sự thật và đầy đủ.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.

Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.